TOÀ ÁN NHÂN DÂN **Huyện K - Tỉnh Ninh Bình**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **45** /2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27 /9/2024
"*V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Thế Anh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Dự và ông Mai Văn Chất
- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thu Hà, Thư ký Toà án nhân dân huyện K
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Doan, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K , tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 157/2024/TLST-HNGĐ ngày 16/7/2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐST - HNGĐ ngày 23/8/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2024/QĐST - HNGĐ ngày 12/9/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1980; ĐKHK và trú tại: xóm H, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)
2. Bị đơn: Anh Trần Văn M, sinh năm 1966; ĐKHK và trú tại: Xóm M, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. vắng mặt lần thứ 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn ngày 16/7/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Trần Văn M đăng ký kết hôn năm 2008 trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã C. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về chung sống cùng gia đình anh M tại xã K. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không cải thiện mà ngày càng nặng nề hơn. Do không chịu đựng được nên từ năm 2023 đến nay chị và anh M sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống cùng anh M được nữa, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh M để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là Trần Tuấn A, sinh ngày 13/01/2009. Hiện con chung đang ở với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh M đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung. Tài sản riêng của ai người đó tự quản lý sử dụng. Khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trong vụ án anh Trần Văn M, có ĐKHKTT và trú tại: xóm X, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi thụ lý vụ án Toà án nhân dân huyện K đã giao Thông báo thụ lý vụ án, giao các tài liệu, chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tung dân sự, nhưng anh M không có ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện, không tham gia phiên hoà giải, không tham gia phiên tòa.

Con chung của vợ chồng là cháu Trần Tuấn A khi được hỏi ý kiến có nguyện vọng xin được ở với chị T khi bố mẹ ly hôn.

Đại diện chính quyền địa phương UBND xã K xác nhận tình trạng hôn nhân và con chung của vợ chồng anh M, chị T như chị T đã trình bày. Qua theo dõi thì khoảng giữa năm 2023 đến nay chị T và anh M sống ly thân, hiện chỉ 1 mình anh M làm ăn sinh sống tại xóm M, xã K, còn chị T đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sống tại xã C. Nguyên nhân vợ chồng chị T, anh M có xảy ra mâu thuẫn, cụ thể như thế nào thì địa phương không biết vì không nhận được bất kỳ đơn thư hay báo cáo gì. Đối với việc chị T làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với anh M thì Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và yêu cầu thực tế của các bên để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng:

- Hội đồng xét xử thẩm phán và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về việc giải quyết vụ án:

- Áp dụng Điều 51, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 144, 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn M.

- Giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên, anh M không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn với anh Trần Văn M, có địa chỉ cư trú tại xóm M, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K .

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đều được tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần 2 không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Chị T và anh M đăng ký kết hôn năm 2008 trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà anh M địa chỉ tại xóm M, xã K. Trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình nội ngoại khuyên giải nhưng không được cải thiện mà ngày càng nặng nề hơn. Từ giữa năm 2023 cho đến nay vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm gì đến nhau nữa.

Theo chị T nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Về phía anh M đã được Toà án nhân dân huyện K giao Thông báo thụ lý vụ án, giao các tài liệu, chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng không tham gia tố tụng theo quy định, không có ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện có ý bỏ mặc tình trạng hôn nhân.

Xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh M cư trú, đại diện UBND xã K cho biết: Tình trạng hôn nhân và con chung của vợ chồng anh M, chị T như chị T đã trình bày. Qua theo dõi thì khoảng giữa năm 2023 đến nay chị T và anh M sống ly thân, hiện chỉ 1 mình anh M làm ăn sinh sống tại xóm M, xã K, còn chị T đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sống tại xã C. Nguyên nhân vợ chồng chị T, anh M có xảy ra mâu thuẫn, cụ thể như thế nào thì địa phương không biết vì không nhận được bất kỳ đơn thư hay báo cáo gì. Đối với việc chị T làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với anh M thì Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và yêu cầu thực tế của các bên để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ đó Hội đồng xét xử xét thấy quá trình chung sống vợ chồng chị T, anh M đã phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống; mặc dù đã được hai bên gia đình giúp đỡ hoà giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân từ giữa năm 2023 cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, vì

vậy yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh M là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình được chấp nhận.

[4] Về con chung:

Vợ chồng chị T, anh M chỉ có 01 con chung là Trần Tuấn A, sinh ngày 13/01/2009, hiện đang chung sống cùng chị T.

Khi ly hôn chị T yêu cầu xin được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh M phải đóng góp tiền nuôi con cho chị.

Xét thấy cháu Trần Tuấn A hiện đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, ổn định chỗ ở, sinh hoạt và học tập; mặt khác con chung có nguyện vọng xin được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Vì vậy Hội đồng xét xử giao con chung cho chị T trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục.

[5] Về tài sản chung: Hai bên đương sự đều không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc chị T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, 56, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ Điều 144, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Toà án:

1. Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn M.

2. Giao chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung là Trần Tuấn A, sinh ngày 13/01/2009 đến khi thành niên. Anh Trần Văn M không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000^{đ} nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000^{đ} tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002270 ngày 16/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K .

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Án xử sơ thẩm công khai, chị T và anh M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện K ;
- THADS huyện K ;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thế Anh